

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 15-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.
2. Bà Châu Thị Chúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị L**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Út H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị L, anh H đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày:

Chị Đặng Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009, chị Đặng Thị L và anh Trần Út H tổ chức đám cưới trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh H không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường hay uống

rượu và cờ bạc, từ đó chị L và anh H không còn chung sống với nhau cho đến nay. Chị L nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Thời gian chung sống thì chị L và anh H có hai người con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2010 (giới tính: Nữ) và Trần Đăng Gia B, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016 (giới tính: Nam). Cháu T và cháu B hiện đang sống cùng với anh H. Chị L hiện không có điều kiện để nuôi con nên chị đồng ý giao hai con chung cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng thì chị L hiện là công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng nên chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày là không có, không yêu cầu giải quyết.

- Theo tờ tường trình ý kiến đề ngày 13 tháng 9 năm 2020, bị đơn anh Trần Út H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được, từ đó vợ chồng không còn chung sống cho đến nay. Anh H nhận thấy là tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh H thống nhất với trình bày của chị L, thời gian chung sống thì anh và chị L có với nhau hai người con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2010 (giới tính: Nữ) và Trần Đăng Gia B, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016 (giới tính: Nam), hai con chung đang sống cùng với anh H. Hiện tại thì anh H có việc làm, thu nhập ổn định, cuộc sống, việc học tập của hai con cũng đã ổn định nên anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con đến khi đủ 18 tuổi và anh H không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H thống nhất với chị L là không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại Biên bản về việc ghi ý kiến con chưa thành niên đề ngày 26 tháng 8 năm 2020, cháu Trần Thị Thanh T trình bày:

Cháu T hiện đang sống cùng với anh H. Trường hợp chị L và anh H ly hôn thì cháu T có nguyện vọng được sống cùng với anh H.

- Tại Biên bản xác minh ngày 26 tháng 8 năm 2020 thì mâu thuẫn gia đình giữa chị L, anh H:

Sau khi kết hôn thì chị L, anh H không sinh sống tại Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên địa phương không biết được mâu thuẫn gia đình giữa anh chị. Tuy nhiên, theo thông tin từ gia đình anh H thì địa phương biết được là chị L, anh H không còn chung sống với nhau đã lâu, mỗi người có cuộc sống riêng không còn liên lạc với nhau nữa.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, cũng như nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L, cụ thể: Chị L được ly hôn với anh H; Giao hai con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2010 và Trần Đặng Gia B, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016 cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh H không yêu cầu nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung thì chị L, anh H đều không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Đặng Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Trần Út H. Anh H đăng ký thường trú tại Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L và anh H đều vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị L, anh H. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ nhất, nhưng đều vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, xét xử vắng mặt chị L, anh H.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 89, quyền số: I/2009 ngày 06 tháng 11 năm 2009. Tại thời điểm kết hôn thì chị L, anh H đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn thì chị L, anh H có thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, chị L cho rằng anh H không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường hay uống rượu và cờ bạc nên phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được, còn anh H thì cho rằng tình

cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Tại Khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Theo các quy định vừa viện dẫn thì chị L, anh H phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, thế nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn thì anh chị không tìm cách hàn gắn, cũng không chung sống với nhau cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh, chị tham gia phiên hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt, sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì anh H có văn bản tường trình ý kiến, đồng ý ly hôn với chị L. Từ đó cho thấy chị L, anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Theo các Trích lục khai sinh số: 11/TLKS và Trích lục khai sinh số: 12/TLKS, cùng ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì chị L, anh H có hai người con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2010 (giới tính: Nữ) và Trần Đăng Gia B, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016 (giới tính: Nam). Chị L cho rằng chị không có điều kiện nên đồng ý giao hai con chung cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, còn anh H thì yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Hội đồng xét xử thấy:

Tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Theo quy định này thì chị L, anh H có quyền được thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, cũng như nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con. Anh, chị đã thực hiện quyền này của mình, cụ thể là chị L, anh H đã thống nhất với nhau là sau khi ly hôn hai con chung do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và sự thống nhất này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T được sống cùng với anh H, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao hai con chung cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

Ngoài ra, tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Theo quy định này thì chị L

phải tôn trọng quyền của các con được sống với anh H, đồng thời chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Theo quy định này thì chị L là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, nhưng do chị L không có điều kiện và anh H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh H đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Như vậy, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L được ly hôn với anh Trần Út H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2010 (giới tính: Nữ) và Trần Đặng Gia B, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016 (giới tính: Nam) cho anh Trần Út H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

Chị Đặng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đặng Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thị L, anh Trần Út H đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: AA/2017/0001344,

ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị Đặng Thị L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt